TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC HIỂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28-11-2018
Về việc "Ly hôn, chia tài sản chung và đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Nghi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Thanh Hải;

Bà Bùi Ngọc Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc San, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thúy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 139/2018/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2018 về việc*"Ly hôn, chia tài sản chung và đòi lại tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trương Tâm Đ, sinh năm 1992 (có mặt);

Nơi cư trú: Ấp B, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Chị Trần Bích T, sinh năm 1997 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp B, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 19 tháng 6 năm 2018 và tại phiên tòa anh Trương Tâm Đ trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị Trần Bích T chung sống với nhau vào năm 2017, không đăng ký kết hôn theo quy định. Vì hoàn cảnh gia đình anh phải đi làm 3-4 ngày anh mới về nhà. Trong thời gian anh đi làm chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, anh đã nhiều lần khuyên chị T về nhà nhưng chị T không đồng ý. Nay anh cảm thấy vợ chồng không thể hàn gắn được nên yêu cầu ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T không có con chung.

Về tài sản chung gồm có: 10 chỉ vàng 18k (cha mẹ chị T cho trong ngày vợ cho trong ngày cưới), 01 sợi dây chuyền 04 chỉ vàng 24k, 01 nhẫn vàng 01 chỉ vàng 24k, 01 chiếc lắc 03 chỉ vàng 18k (cha mẹ anh cho trong ngày cưới). Ngoài ra tài sản riêng của anh là 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 18k hiện chị T đang quản lý. Anh Đ yêu cầu chia đôi tài sản chung và yêu cầu chị T trả cho anh Đ sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 18k.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Chị Trần Bích T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng chị T vắng mặt không lý do.

* *Ý kiến của Kiểm sát viên*:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ lật tố tụng Dân sự.

- Về nội dung:

Về hôn nhân: Không công nhận anh Trương Tâm Đ và chị Trần Bích T là vợ chồng.

Về con chung: Không có không xem xét.

Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của anh Trương Tâm Đ gồm 13 chỉ vàng 18K và 05 chỉ vàng 24K. Buộc chị Trần Bích T có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Đ ½ tài sản chung.

Về tài sản riêng: Buộc chị Trần Bích T trả cho anh Đ 05 chỉ vàng 18K.

Về nợ chung: Không yêu cầu không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Trương Tâm Đ khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với chị Trần Bích T nơi cư trú ấp B, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau theo quy

định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Chị Trần Bích T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng chị T vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 xét xử vắng mặt đối với chị T.

[2] Về hôn nhân: Anh Trương Tâm Đ và chị Trần Bích T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2017, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa anh Đ với chị T là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận. Do đó, không công nhận anh Trương Tâm Đ và chị Trần Bích T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Anh Trương Tâm Đ xác định tài sản chung của vợ chồng gồm có 13 chỉ vàng 18K và 05 chỉ vàng 24K là tài sản cha, mẹ hai bên cho anh Đ và chị T trong ngày cưới hiện nay chị T đang quản lý. Anh Đ yêu cầu chia đôi số tài sản chung của vợ chồng. Đối với chị Trần Bích T, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị T biết việc anh Đ yêu cầu chia tài sản chung và yêu cầu chị T trả lại tài sản riêng nhưng chị T không có ý kiến gì đối với yêu cầu của anh Đ nên chị T phải chịu thiệt hại. Mặt khác, tại biên bản xác minh ngày 18 tháng 10 năm 2018 ông Phạm Thanh S là chủ hôn ngày cưới của anh Đ và chị T xác nhận trong ngày cưới phía gia đình gia đình chị T có cho vợ chồng anh Đ, chị T số vàng gồm 10 chỉ vàng 18k, gia đình anh Đ cho 01 sợi dây chuyền 04 chỉ vàng 24K, 01 nhẫn vàng 01 chỉ vàng 24K, 01 chiếc lắc 03 chỉ vàng 18K nên có cơ sở xác định tài sản chung của anh Đ và chị T gồm 13 chỉ vàng 18K và 05 chỉ vàng 24K. Anh Đ và chị T mỗi người được nhận ½ số tài sản chung là 6,5 chỉ vàng 18K và 2,5 chỉ vàng 24K. Hiện nay chị T đang quản lý tài sản chung nên buộc chị Trần Bích T có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Đ 6,5 chỉ vàng 18K và 2,5 chỉ vàng 24K.

Đối với phần tài sản riêng: Anh Đ trình bày khi về chung sống thì anh có đưa cho chị T quản lý tài sản riêng của anh 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 18K, anh yêu cầu chị T trả lại. Chị T không có ý kiến gì đối với yêu cầu này của anh Đ thể hiện chị T mặc nhiên thừa nhận đang quản lý số tài sản riêng của anh Đ đúng như anh Đ trình bày. Do đó, buộc chị T có nghĩa vụ trả cho anh Đ 05 chỉ vàng 24K.

Tại thời điểm xét xử sơ thẩm vàng 24K có giá 3.525.000 đồng; vàng 18K có giá 2.659.000 đồng.

[6] Về nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Trương Tâm Đ phải chịu 300.000 đồng. Án phí dân sự có giá ngạch anh Đ phải chịu (2,5 chỉ vàng 24K x 3.525.000 đồng) + (6,5 chỉ vàng 18K x 2.659.000 đồng) = 1.304.800 đồng. Ngày 19/6/2018 anh Đ đã dự nộp 903.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005275 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau được đối trừ, anh Đ tiếp tục nộp 701.800 đồng khi án có hiệu lực pháp luật. Án phí dân sự có giá ngạch chị T phải chịu (2,5 chỉ vàng 24K x 3.525.000 đồng) + (11,5 chỉ vàng 18K x 2.659.000 đồng) = 1.969.550 đồng, chị T có nghĩa vụ nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bản án sơ thẩm anh Trương Tâm Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trần Bích T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 14, Điều 53, 59 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Trương Tâm Đ và chị Trần Bích T là vợ chồng.

2. Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của anh Trương Tâm Đ. Buộc chị Trần Bích T hoàn trả cho anh Đ 6,5 chỉ vàng 18K và 2,5 chỉ vàng 24K.

3. Về tài sản riêng: Chấp nhận yêu cầu của anh Trương Tâm Đ về việc yêu cầu chị Trần Bích T trả lại 05 chỉ vàng 18K. Buộc chị Trần Bích T trả cho anh Trương Tâm Đ 05 chỉ vàng 18K.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh Trương Tâm Đ phải chịu 300.000 đồng. Án phí dân sự có giá ngạch anh Đ phải chụi 1.304.800 đồng. Ngày 19/6/2018 anh Đ đã dự nộp 903.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005275 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau được đối trừ, anh Đ tiếp tục nộp 701.800 đồng khi án có hiệu lực pháp luật. Án phí dân sự có giá ngạch chị T phải chịu 1.969.550 đồng, chị T có nghĩa vụ nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án sơ thẩm anh Trương Tâm Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trần Bích T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Ngọc Hiển;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Nghi